

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 08/2020/HSST
Ngày: 08/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Sự và ông Trần Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST - HS ngày 07/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - HS ngày 28/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST – QĐ ngày 13/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST – QĐ ngày 10/4/2020 đối với bị cáo:

Đặng Văn N, sinh năm 1989; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú trước khi bị tạm giam: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Đặng Văn L và bà Bùi Thị C; vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 20/7/2011 bị TAND huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; ngày 07/10/2011 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 27/02/2014 bị TAND huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999; ngày 27/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 09/9/2015 bị TAND huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt 42 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 257 BLHS năm 1999; ngày 03/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù. Đặc điểm nhân thân: Ngày 26/4/2012 bị Công an huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe người khác*”; Ngày 26/9/2012, Công an huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng có mang theo*

vũ khí thô sơ”. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/11/2019, chuyển tạm giam từ ngày 28/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (Có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn N:** Ông Đặng Ngọc T – Là Luật sư của Công ty TNHH Luật B, chi nhánh tại Hà Nam thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt).

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt).

- Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 22/11/2019, Đặng Văn N điều khiển xe mô tô biển số 90B2-xxx mang theo bao tải, dao tự chế, bình xịt hơi cay, băng dính, thông lọng nối với bộ kích điện trong cốp xe mô tô, đi đến nhà Trần Văn T rủ T đi trộm cắp chó để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 90B2-xxx chở N ngồi sau cầm thông lọng đi đến địa bàn huyện B, tỉnh Hà Nam. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa bàn thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam phát hiện 01 con chó đang nằm ở vệ đường, T điều khiển xe mô tô đi đến gần để N dùng thông lọng quần vào cổ con chó và bật kích điện làm con chó bị choáng và ngất. T điều khiển xe mô tô chở N cầm dây thông lọng kéo lê con chó trên đường khoảng 30m thì dừng lại. N xuống xe lấy băng dính quần quanh mõm chó, tháo thông lọng, rồi bỏ vào bao xác rắn, đặt lên khung xe mô tô. Sau đó T điều khiển xe mô tô chở N và con chó vừa trộm cắp được đi đến nhà Phạm Văn Th ở thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam để bán. Khoảng 2 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến gần cổng nhà T thì N mượn điện thoại của T gọi cho Th nói “*Em có con chó, anh có mua không thì cân cho em*”, Th trả lời “*Đêm rồi anh không mua*” thì N nói “*Thế thì anh bán cho em bao nhiêu*”. Th đồng ý, ra mở cổng thì T đi xe chở N và con chó vừa trộm cắp vào sân. T bê bao tải đựng chó đặt xuống sân, còn N để thông lọng ở đuôi xe mô tô và nói với Th “*Em có mỗi con chó xấu, anh cân cho em*” thì Th trả lời “*Cho ra lồng anh kiểm tra*”. Sau đó Th và T đi vào khu vực bếp, T thả con chó vừa trộm cắp được vào chiếc lồng sắt ở đó thì Th nói “*Con này xấu lắm anh không mua được*”. Ngay lúc này lực lượng Công an

huyện L phối hợp với Công an xã N tuần tra phát hiện, lập biên bản kiểm tra hành chính, đưa các đối tượng về Công an huyện L làm việc.

Vật chứng, đồ vật, tài sản đã tạm giữ gồm: Tạm giữ tại lán bếp nhà Phạm Quang Th 01 con chó đực, màu lông đen - xám cân nặng 24kg; 01 lồng bằng kim loại KT(80 x 53x 43)cm; 01 bao tải xác rắn màu vàng KT(107 x 60)cm, trên vỏ bao có chữ “Ngọc Quyển 0225.3871.828”. Tạm giữ của Đặng Văn N 01 xe mô tô Wave α màu trắng - đen, biển số 90B2-xxx. và 01 điện thoại nhãn hiệu VIETTEL; thu tại túi quần dài phía trước bên trái của N 01 hộp hình trụ cao 12cm, đường kính 3,5cm (dạng bình xịt hơi cay). Kiểm tra xe mô tô biển số 90B2-xxx thu giữ: 01 bao tải xác rắn màu vàng KT(107 x 60)cm, trên vỏ bao có chữ “Ngọc Quyển 0225.3871.828”; 01 con dao tự chế dài 91cm, lưỡi dao dài 44 cm, chuôi dao bằng ống kim loại dài 47cm, đường kính 2,7cm, đầu bấm dính chất dịch màu đỏ; 01 cục biến áp gắn 1 sợi dây điện màu đen dài 2,57m được nối với 1 thanh kim loại dài 1,06m đều được quấn băng dính màu đen, 1 đầu của thanh kim loại nối 1 đoạn dây điện dài 70cm, trên dây điện gắn 2 cục kim loại, mỗi cục có 6 mũi kim loại tạo thành thông lọng; từ cục biến áp có 1 đoạn dây điện dài 68cm nối với công tắc tự chế gắn ở đuôi xe bên trái, trên dây này đầu nối thêm 1 đoạn dây dài 25cm đến ổ quy ở dưới cốp xe. Tạm giữ của của Trần Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu ITEL. Tạm giữ tại sân nhà Phạm Quang Th 01 khẩu súng tự chế dài 1,2m, báng bằng gỗ dài 77cm, trên thân súng có 1 cục đựng cò dài 21cm, đường kính 6cm được quấn băng dính màu đen; 01 khẩu súng tự chế dài 1,31m, thân súng bằng nhựa dài 72cm, trên thân súng có 1 cục nhựa đựng cò dài 21cm, đường kính 6cm được quấn băng dính màu đen.

Do địa phận xảy ra việc bắt trộm và con chó bị bắt trộm là tài sản của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam nên ngày 22/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B để xác minh, giải quyết.

Sau khi tiếp nhận, thụ lý giải quyết tin báo về tội phạm, ngày 22/11/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã yêu cầu định giá đối với 01 con chó, giống chó đực, màu lông đen - xám cân nặng 24kg. Tại bản kết luận định giá số 23/KL-HĐĐG ngày 22/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Trị giá của một con chó giống đực, còn sống, loại chó ta, lông màu đen - xám, trọng lượng 24kg, hiện đang được quản lý tại Công an huyện B là: 1.680.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Văn N tại thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 02/12/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định công cụ hỗ trợ đối với 01 hộp hình trụ cao 12cm, đường kính 3,5cm tạm giữ của Đặng Văn N. Tại bản Kết luận giám định số 7206/C09-P3 ngày 18/12/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu vật có đặc điểm nêu trên gửi giám định là bình xịt hơi cay, thuộc công cụ hỗ trợ.

Tại Cáo trạng số 07/CT - VKS - TA ngày 06/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Đặng Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bị cáo Đặng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tịch thu tiêu hủy 01 lồng bằng kim loại, 02 bao tải xác rắn, 01 cục biến áp gắn dây điện nối với thanh kim loại của chiếc thùng lọng, 01 bình xịt hơi cay, 01 con dao tự chế; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại ITEL tạm giữ của Trần Văn T; trả lại bị cáo N 01 điện thoại VIETTEL nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo N có quan điểm: Nhất trí nội dung vụ án và tội danh của bị cáo như Cáo trạng và Luận tội mà đại diện Viện kiểm sát trình bày. Tuy nhiên Luật sư xác định bị cáo N chỉ phạm tội được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự vì: Thứ nhất hành vi trộm cắp tài sản lần này của bị cáo N trước hết chỉ là hành vi vi phạm hành chính do trị giá tài sản trộm cắp là 1.680.000 đồng, hành vi này phải kết hợp với tiền án trộm cắp tài sản năm 2011 chưa được xóa án tích mới được xác định là phạm tội. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự chỉ khi thực hiện hành vi phạm tội thì các lần phạm tội trước chưa được xóa án tích mới được sử dụng để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Thứ hai đại diện Viện kiểm sát xác định bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự vì đã sử dụng tiền án “trộm cắp tài sản” vừa là tình tiết định tội vừa là tình tiết định khung hình phạt. Ngoài ra Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn” được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo N từ 09 tháng tù đến 01 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel.

Tại phiên tòa bị cáo N đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo không bổ sung về phần bào chữa của Luật sư; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bị hại có quan điểm: Nhất trí với nội dung vụ án, không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự, đề nghị xử lý hình sự đối với bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm: Nhất trí với nội dung vụ án, không yêu cầu lấy lại chiếc lồng sắt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để xác định: Khoảng 01 giờ ngày 22/11/2019, tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo Đặng Văn N và đối tượng Trần Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó trị giá 1.680.000 đồng của gia đình chị Nguyễn Thị H.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố và buộc bị cáo Đặng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử thấy không chính xác vì: Điều 53 Bộ luật hình sự quy định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm là trường hợp đã bị kết án, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội. Theo quy định này của điều luật thì chỉ khi người thực hiện một hành vi thỏa mãn dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm thì mới đặt ra việc xem xét người đó có tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không. Nói một cách khác thì chỉ khi người thực hiện một hành vi thỏa mãn dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm thì các tiền án của người đó mới được dùng để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Trong vụ án này, bị cáo Đặng Văn N cùng với Trần Văn T trộm cắp tài sản có trị giá dưới 2.000.000 đồng là chưa thỏa mãn dấu hiệu cấu thành cơ bản về trị giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra do các tiền án về tội “Đánh bạc”, “Chống người thi hành công vụ” đã được dùng vào việc tính thời hạn để xác định bị cáo N chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản” năm

2011 và tiền án tội “Trộm cắp tài sản” năm 2011 lại là tình tiết được sử dụng để định tội do đó 02 tiền án về tội “Đánh bạc” và tội “Chống người thi hành công vụ” không được sử dụng để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo N.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định hành vi bắt trộm chó ngày 22/11/2019 của bị cáo Đặng Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết *“Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại”*, *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo phân tích tại đoạn [2] do tiền án tội “Trộm cắp tài sản” năm 2011 được sử dụng để định tội; 02 tiền án về tội “Đánh bạc” và tội “Chống người thi hành công vụ” không được sử dụng để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm vì vậy bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân. Trong những năm gần đây, hành vi bắt trộm chó đã gây bức xúc lớn trong nhân dân cả nước nói chung và trên địa bàn huyện B, tỉnh Hà Nam nói riêng; đã có rất nhiều vụ án trong đó có cả những vụ án đặc biệt nghiêm trọng xuất phát từ hành vi bắt trộm chó. Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị xử phạt tù, xử phạt hành chính về nhiều hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không chịu rèn luyện, cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội do đó Hội đồng xét xử thấy phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 02 bao tải xác rắn, 01 cục biến áp gắn dây điện nối với thanh kim loại của chiếc thùng lọng, 01 bình xịt hơi cay, 01 con dao tự chế là vật không có giá trị sử dụng, vật cấm lưu hành và 01 lồng bằng kim loại do anh Phạm Văn Th không đề nghị được trả lại do vậy cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại ITEL tạm giữ của Trần Văn T là vật sử dụng vào việc liên lạc bán tài sản trộm cắp nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 điện thoại VIETTEL tạm giữ của bị cáo N không sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên trả lại bị cáo N nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H đã nhận lại con chó và không yêu cầu bồi thường thiệt hại do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[9] Tình tiết khác của vụ án: Do con chó có trị giá 1.680.000 đồng và Trần Văn T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa bị kết án về một trong các tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS nên hành vi của T không phạm tội “Trộm cắp tài sản” do vậy Công an huyện B, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi “Trộm cắp tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng 01 bình xịt hơi cay là công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép của bị cáo N; Công an huyện B đã xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô Wave α biển số 90B2-xxx tạm giữ của Đặng Văn N, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã điều tra, xác minh nhưng chưa đủ căn cứ xác định chủ sở hữu hợp pháp nên tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô để xác minh, làm rõ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Văn Th do chưa thực hiện giao dịch mua bán 1 con chó của N và T mang đến, bản thân Th không biết là tài sản do N và T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 02 khẩu súng thu giữ tại sân nhà Phạm Văn Th; Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Áp dụng các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N **02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (22/11/2019).
3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL. Tịch thu tiêu hủy 01 lồng bằng kim loại, 02 bao tải xác rắn,

01 cục biến áp gắn dây điện nối với thanh kim loại của chiếc thùng lọng, 01 bình xịt hơi cay, 01 con dao tự chế.

- Trả lại bị cáo Đặng Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Các vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đặng Văn N phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Th biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)